

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Cuộc đấu tranh chống đồng hoá, tiếp thu văn hoá bên ngoài và bảo tồn bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam diễn ra suốt thời Bắc thuộc.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Giải mã các tư liệu lịch sử hiện vật và chữ viết có trong bài.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

Giới thiệu được những nét chính những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học

Vai trò của tiếng Việt trong bảo tồn văn hoá Việt ở cả quá khứ và hiện tại.

4. Hình thành những phẩm chất

- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.
- Yêu nước, sẵn sàng đóng góp công sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài
17

ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC (2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời Bắc thuộc.

Suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, các chính quyền phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hoá nhằm thu tiêu quốc gia, dân tộc Việt. Người Việt đã làm gì để chống đồng hoá, bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá hình thành từ thời dựng nước?



- Những biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc đã thất bại?

- Phong tục ăn trầu theo ghi chép của Lê Quý Đôn (từ liệu 17.3) có từ thời kì nào trong lịch sử Việt Nam? Hiện nay phong tục này còn không?

I. ĐẤU TRANH BẢO TỒN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Chính quyền đô hộ đã thi hành chính sách đồng hoá dân tộc ta bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, nhằm ép buộc người Việt theo lễ nghi, phong tục Hán. Tuy nhiên, người Việt luôn cố ý thức giữ gìn dòng giống Tiên Rồng và nền văn hoá của cha ông để lại.

Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ.

Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên... tiếp tục được duy trì.

Ăn mình sau những lũ lụt, làng Việt là thành trì kiên cố bảo tồn phong tục, tập quán Việt như tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy...



17.1 Làm bánh giầy (Kí hoạ đầu thế kỉ XX của H. Oger)



17.2 Nhà của người Việt thời Bắc thuộc (Mô hình phục dựng, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)

85

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN I

Hoạt động 1: Rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử.

- Bước 1: GV đặt vấn đề - Các hình ảnh 17.1 và 17.2 gợi cho em suy nghĩ gì về văn hoá Việt? (Người Việt giữ được phong tục tập quán, sống ở làng quê trong những ngôi nhà giản dị).
- Bước 2: GV nêu vấn đề - Trải qua hàng thế kỉ, những ngôi làng Việt ẩn mình sau lũy tre là thành trì kiên cố bảo vệ văn hoá truyền thống của người Việt đã hình thành và phát triển từ thời Văn Lang, Âu Lạc. Đó là những yếu tố quan trọng nào? (Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ. Những tín ngưỡng truyền thống, phong tục, tập quán Việt như thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy tiếp tục được duy trì).
- Bước 3: GV dẫn dắt HS kết luận (Những biểu hiện nêu trên là bằng chứng cho thấy chính sách đồng hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc đã thất bại về căn bản trước sức sống của dân tộc Việt Nam).
- Bước 4: GV có thể kết nối HS với bài học trước về truyền thống văn hoá Đông Sơn thể hiện qua sự phát triển của thủ công nghiệp. Chú ý khai thác về mặt nghệ thuật (hoạ tiết trong khuôn đúc, hoạ tiết trên tang trống, ...).

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– Đố vui ô chữ

Câu 1. (7 chữ cái): Truyền thuyết giải thích về một phong tục có nội dung ca ngợi tình nghĩa vợ chồng, tình cảm anh em.

Câu 2. (7 chữ cái): Tập tục được người Việt cổ sử dụng để làm đẹp và tránh bị thủy quái làm hại.

Câu 3. (9 chữ cái): Tín ngưỡng truyền thống của người Việt để tưởng nhớ về cội nguồn.

Câu 4. (9 chữ cái): Người Việt xem đây là cách làm đẹp và bảo vệ răng.

Câu 5. (7 chữ cái): Nghề rèn đúc kim loại nổi tiếng của người Việt cổ.

Câu 6. (13 chữ cái): Tầng lớp đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong thời Bắc thuộc.

Câu 7. (7 chữ cái): Yếu tố này được coi là một tế bào của xã hội.

Câu 8. (8 chữ cái): Tên vị hoàng tử làm bánh chưng, bánh giầy để dâng lên vua Hùng.

Câu 9. (6 chữ cái): Một phong tục phổ biến của người Việt cổ, ngày nay vẫn xuất hiện trong lễ cưới hỏi.

Ô chữ hàng dọc (9 chữ cái): Ngôn ngữ được người Việt lưu giữ và bảo tồn từ xưa đến nay. **(TIẾNG VIỆT)**



- GV sử dụng phần dẫn nhập và lưu ý HS rằng sau giờ học các em sẽ quay lại tiếp tục bình luận về từ khoá TIẾNG VIỆT.

Hoạt động 2: Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử – mức độ vận dụng; phát triển năng lực vận dụng.

- Hiểu văn bản: lưu ý kiến thức chỉ trong giới hạn ghi chép của Lê Quý Đôn.
- Sử dụng thông tin có trong tư liệu, xác định thời gian: Lê Quý Đôn dẫn lại sách cổ có từ năm 304. Địa danh Giao Châu chỉ nước ta thời thuộc Hán. Từ đó, HS suy luận ra phong tục có từ thời Văn Lang, Âu Lạc.
- Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ với thực tế: phong tục đó có còn trong cuộc sống hiện tại? GV nên cho HS viết một đoạn văn ngắn về phong tục truyền thống này trong đời sống hiện nay. Có thể sưu tầm hình ảnh thay cho viết đoạn văn.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN II

Hoạt động 1: Năng lực tìm hiểu lịch sử – Quan sát các tư liệu và đọc hiểu tư liệu.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu tư liệu 17.4 và đặt câu hỏi: Truyền thuyết chùa Dâu cho thấy người Việt đã tiếp thu văn hóa bên ngoài như thế nào để phát triển văn hóa dân tộc? (Việt Nam tiếp thu Phật giáo từ hai con đường: đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ sang và sau này là từ Trung Quốc sang, nhưng vẫn có điểm sáng tạo riêng. Truyền thuyết chùa Dâu giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân).
- GV hướng dẫn HS quan sát tư liệu 17.5, 17.6, đọc tư liệu do GV cung cấp, nêu vấn đề: Nhân dân ta đã tiếp thu và phát triển văn hoá dân tộc như thế nào trong hàng ngàn năm Bắc thuộc? (tiếp thu sáng tạo, có kế thừa và phát triển).

+ **Chuông Thanh Mai** là chuông đồng cổ nhất Việt Nam do Giáo hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh

và Trung tâm Sách kỉ lục Việt Nam công bố, là bảo vật quốc gia có niên đại sớm nhất (năm 798) được phát hiện ở Việt Nam. Quai đúc nổi đôi rồng, đầu lưng vào nhau, uốn cong một cách khéo léo tạo thành núm treo chuông. Hình rồng không vảy, đầu to, không bờm, miệng ngậm tì xuống đỉnh chuông. Con rồng này có nét tương đồng với hình tượng rồng khắc trên bia đá cổ nhất Việt Nam là bia Trường Xuân (Thanh Hoá), năm 618. Đây cũng là quả chuông đồng đầu tiên có văn tự được tìm thấy cho đến nay, chứa đựng nhiều thông tin quan trọng cho biết hoạt động, ảnh hưởng của Phật giáo và sự giao lưu văn hoá, xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc. Trải qua hàng nghìn năm, chiếc chuông không bị hoen gỉ mà vẫn giữ nguyên được hình dáng, màu sắc ban đầu cho thấy kĩ thuật đúc đồng đỉnh cao của thời kì này.


+ **Khay gốm** (Lạch Trường, Thanh Hoá) được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán – Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chụm đầu vào nhau theo điển tích “Tam ngư châu nguyệt” là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viền ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dấu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động.

Hoạt động 2: Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – mức độ biết.

Kết hợp với thông tin trong SGK, GV dẫn HS vào vấn đề yêu cầu cần đạt của câu hỏi:

- Nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hoá dân tộc trong hàng ngàn năm Bắc thuộc? (Thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng

17.3 “Sách Nam phương thảo mộc trong của Xê Hâm (năm 304) chép: Trái cau tươi (lân lang) ăn thì có vị đắng và chát, nhưng chế bỏ cái vỏ ra đem nấu chín thì nó như trái táo khô, đem ăn chung với trái vả và với thì thấy ngon, tra thì, tiêu ấm. Người ở Giao Châu và Quảng Châu cho là quý, khi cuối hè thì đem trái cau ra đãi khách trước nhà. Nếu gặp nhau mà không bày trái cau ra thì người ta sẽ oán hờn. Phong tục ngày nay cũng còn như thế.”
(Lê Quý Đôn, Văn đẩu loài ngữ, tập III, quyển 9, NCB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1995, tr. 111)



II. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC



Nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hoá dân tộc trong hàng ngàn năm Bắc thuộc?



Em có biết?

Chùa Dâu là ngôi chùa có lịch sử hình thành sớm nhất Việt Nam, gần với trung tâm Phật giáo Lạc Lâu, thế kỉ II.

Truyền thuyết chùa Dâu kể về sự tích Man Nương và nhà sư Khâu Đà La đến từ Ấn Độ để giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân.

Thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc.

Phật giáo, Đạo giáo du nhập vào nước ta thời kì này, hoà quyện cùng với tín ngưỡng dân gian.



17.4 Chùa Dâu (Thanh Thành, Bắc Ninh)

86

Người Việt chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán, tạo cơ sở hình thành vốn từ Hán – Việt ngày càng phong phú và đặc sắc.

Người Việt đã tiếp thu một số kĩ thuật tiến bộ của Trung Quốc như làm giấy, dệt lụa, kĩ thuật bón phân bắc trong trồng trọt... Một số sản phẩm thủ công thời kì này thể hiện khá rõ dấu ấn của sự giao lưu với văn hoá Trung Quốc.



17.5 Chuông Thành Mái dùng trong nghi lễ Phật giáo, năm 798



17.6 Khay gốm thể kỉ I - III, Lạch Trường, Thanh Hoá



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

1. Theo em, tại sao khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời Bắc thuộc?
2. Những phong tục, tập quán nào của người Việt đã được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?
3. Quan sát hình 17.5 và 17.6, em hãy cho biết yếu tố văn hoá nào du nhập từ bên ngoài đã được nhân dân tiếp thu có chọn lọc?

Vận dụng

4. Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều học sinh “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?

87

tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc.

- Người Việt tiếp thu văn hoá bên ngoài như thế nào để phát triển văn hoá dân tộc? (Người Việt chủ động tiếp thu văn hoá bên ngoài (chữ viết, kĩ thuật canh tác tiến bộ, nghề thủ công, sử dụng phân bón,...), tiêu biểu như tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán, tạo cơ sở hình thành vốn từ Hán – Việt ngày càng phong phú và đặc sắc).

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Câu 1: Theo em, tại sao khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời Bắc thuộc?

GV hướng dẫn HS xem lại phần khái niệm bài 15 và hướng dẫn các em giải thích theo ý các em hiểu.

Câu 2: Những phong tục, tập quán nào của người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn có mặt trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?

Những phong tục, tập quán của người Việt vẫn được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và có mặt trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay: thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, ăn mắm, làm bánh chưng, bánh giầy,..

Câu 3: – Quan sát tư liệu 17.5 và 17.6, em hãy cho biết yếu tố văn hoá nào du nhập từ bên ngoài đã được nhân dân tiếp thu có chọn lọc?

Kĩ thuật đúc đồng, hoa văn, nghệ thuật tạo hình.
– Rút ra những từ ngữ chỉ sức sống của nền văn minh Đông Sơn:

Tiếng chim Việt líu lo trong nắng xuân, hát xướng với tiếng trống đồng kêu, người Nam cầu cúng nhiều.

Câu 4: Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều HS “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?

Gợi ý:

- GV nêu vấn đề cho HS tìm hiểu ý nghĩa câu thơ của nhà thơ Lưu Quang Vũ: “Tiếng chẳng mất khi Loa thành đã mất” trong bài “Tiếng Việt”. Câu thơ trên phản ánh sự kiện An Dương Vương thất bại trước cuộc xâm lược của Triệu Đà, Âu Lạc bị sáp nhập vào Nam Việt. Ý nghĩa: chúng ta mất nước nhưng không mất tiếng nói, vẫn bảo tồn được những yếu tố văn hoá truyền thống đã định hình từ thời Văn Lang – Âu Lạc.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

- Giữ được tiếng nói, hồn cốt của một dân tộc là một nguyên nhân quan trọng khiến Việt Nam là trường hợp hiếm hoi trong lịch sử thế giới dù mất nước từ rất sớm và kéo dài hơn mười thế kỉ nhưng vẫn giành lại được độc lập. Vì thế, dù bị đô hộ hàng mười thế kỉ bởi một nước có văn hoá cao hơn mà sau mấy ngàn năm... “Ta vẫn là ta”.
- Suy nghĩ về hiện tượng nhiều HS “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp: HS tự liên hệ thực tế và trả lời.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

VỀ HÌNH THÀNH NĂNG LỰC CHUNG

Đây là một trong những bài tạo nhiều cơ hội để GV hình thành cho HS các năng lực như:

- Tự chủ và tự học: nhận diện và tiếp cận lịch sử thông qua các loại hình tư liệu (tranh vẽ, truyền thuyết, hiện vật lịch sử, hình ảnh,...).
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, kết nối kiến thức lịch sử, kiến thức liên môn để giải quyết vấn đề thực tiễn:
 - + Làm thế nào để giữ gìn bản sắc dân tộc, “hoà nhập chứ không hoà tan”?
 - + Kể tên những phong tục, tập quán của người Việt cổ vẫn có mặt trong đời sống văn hoá ngày nay?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG KẾT BÀI

GV nêu vấn đề: theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc? Việc bảo tồn được tiếng Việt có ý nghĩa như thế nào với quốc gia – dân tộc Việt Nam?